

BẢN SẮC: ĐẶC TRƯNG VÀ Ý THỨC CĂN TÍNH

Nguyễn Văn Hiệu*

Tóm tắt: “Bản sắc” là một trong những khái niệm trung tâm (Key concept) trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam và được nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam xem là tương đương với thuật ngữ có tính quốc tế “Identity”. Tuy nhiên, từ góc độ lý luận lẫn thực tiễn nghiên cứu, có thể thấy hai thuật ngữ - khái niệm này về cơ bản là không thống nhất và không có nhiều tương đồng, dễ dẫn đến những hiểu nhầm nhất định trong dịch thuật hoặc trong trao đổi nghiên cứu. Từ góc nhìn liên thông, hội nhập và từ yêu cầu về thống nhất khái niệm trong nghiên cứu, bài viết xem xét khái niệm “bản sắc” trong tương quan với cách hiểu về “đặc trưng” (Characteristic) và “ý thức căn tính” (Identity) trong học thuật phương Tây; đồng thời góp phần đề xuất cách tiếp cận phù hợp với khái niệm vốn rất phức tạp này trong nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam trước yêu cầu liên thông, hội nhập.

Từ khóa: Bản sắc, văn hóa, ý thức căn tính, đặc trưng.

Dẫn nhập

“Bản sắc”, hiểu theo góc độ nào, cũng đều là vấn đề trung tâm của các ngành và các chuyên ngành nghiên cứu văn hóa. Nhìn từ lý luận và thực tiễn nghiên cứu, nhất là trong quy chiếu với các nghiên cứu về văn hóa và bản sắc văn hóa ở Việt Nam, có thể thấy khái niệm “bản sắc” ở Việt Nam có độ chênh nhất định đối với khái niệm “identity” trong học thuật phương Tây, nếu không nói là trong học thuật quốc tế nói chung. Trong khi đó, khá phổ biến trong học thuật Việt Nam là cách hiểu, hoặc xem, “bản sắc” là “identity” và “identity” là “bản sắc”, thể hiện qua các mở đóng ngoặc đơn hoặc trong phiên dịch qua lại giữa các bài nghiên cứu từ tiếng Việt sang tiếng Anh và từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Từ yêu cầu về thống nhất khái niệm trong nghiên cứu và từ yêu cầu về tính liên thông trong học thuật, bài viết xem xét mối tương quan giữa hai khái niệm “bản sắc” và “identity”, trên cơ sở đó đề xuất cách hiểu khái niệm “bản sắc” theo hướng kết hợp, dung hòa với khái niệm

“identity” trong nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam.

“Bản sắc” - nhìn từ Việt Nam

Ở Việt Nam, Hoài Thanh là người dùng từ “bản sắc” khá sớm. Trong một bài viết in trên tạp chí *Tri Tân* năm 1941, sau làm bài tựa cho công trình *Thi nhân Việt Nam* nổi tiếng xuất bản lần đầu cũng vào năm này, Hoài Thanh viết: “Hồn thơ Pháp hễ chuyển được vào thơ Việt là đã được Việt hóa hoàn toàn... Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt Nam” (1). Hoài Thanh không giải thích hay định nghĩa “bản sắc” là gì, nhưng qua ý của câu, có thể thấy “bản sắc” ở đây được hiểu theo nghĩa tốt và đó là cái hồn cốt, cái sắc thái riêng của một cộng đồng, một dân tộc. Cách hiểu của Hoài Thanh về cơ bản giống với cách hiểu của hầu hết các nhà nghiên cứu ở Việt Nam về sau, xem bản sắc/bản sắc văn hóa là những giá trị cốt lõi làm nên những đặc trưng, đặc điểm và cốt cách của một cộng đồng trong so sánh với cộng đồng khác, như thể hiện khá rõ trong một công trình gồm nhiều bài nghiên cứu về đặc trưng và bản sắc văn hóa Việt Nam do Lê Ngọc Trà tập hợp

* TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

và giới thiệu (2). Nhìn chung, quan niệm và tiếp cận bản sắc/bản sắc văn hóa ở Việt Nam thiên về xem bản sắc là những biểu hiện khách quan, có thể đúc rút từ những nghiên cứu quy nạp và đó là những dấu hiệu có thể giúp nhận biết được đặc điểm, tính chất và tính cách của một cộng đồng, một dân tộc.

“Bản sắc” - nhìn trong quy chiếu với thuật ngữ quốc tế

Điểm đáng chú ý là hầu hết các nhà nghiên cứu Việt Nam đều xem “bản sắc” là thuật ngữ/khái niệm tương đương với thuật ngữ/khái niệm “identity” trong học thuật phương Tây. Chẳng hạn, Trần Quốc Vượng trong bài viết năm 1987, “Một nét bản sắc của văn hóa Việt Nam: khả năng ứng biến”, ở đoạn đầu của bài có mở ngoặc đơn sau cặp từ bản lĩnh - bản sắc là “identité”, viết về khả năng ứng biến linh hoạt người Việt và bài viết kết luận: “Tôi gọi cái bản lĩnh - bản sắc biết nhu, biết cương, biết công, biết thủ, biết ‘trông trời trông đất trông mây...’ rồi tùy thời mà làm ăn theo chuẩn mực ‘nhất thì nhì thục’... ấy, là *khả năng ứng biến* của người Việt Nam, của lối sống Việt Nam, của văn hóa Việt Nam” (3); hay như công trình *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, một công trình nghiên cứu hệ giá trị cùng các đặc trưng, đặc điểm văn hóa Việt Nam từ cách tiếp cận hệ thống - loại hình, tác giả Trần Ngọc Thêm dịch tên sách của mình ra tiếng Anh là *Discovering the Identity of Vietnamese Culture* (4).

Khi dịch các công trình hoặc trích dẫn quan niệm về bản sắc văn hóa của học giả Việt Nam sang tiếng Anh, nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam cũng dịch “bản sắc” là “identity”. Chẳng hạn, Nguyễn Thị Hiền trong bài viết “Cultural Adaptation, Tradition, and Identity of Diasporic Vietnamese People: A Case Study in Silicon Valley, California, USA” (Thích ứng văn hóa, truyền thống và bản sắc của cộng đồng

di cư người Việt: Nghiên cứu trường hợp ở Thung lũng Silicon, California, Hoa Kỳ) đăng trên tạp chí *Asian Ethnology* năm 2016 đã dịch thuật ngữ “bản sắc” trong sách của Phan Ngọc thành “identity”, bài viết có đoạn: “When talking about the cultural identities of Vietnamese, Phan Ngọc said that cultural identity is the unchangeable cultural aspect in the development process of history....” (Khi nói về bản sắc văn hóa Việt Nam, Phan Ngọc cho rằng bản sắc văn hóa là cái mặt bất biến của văn hóa trong quá trình phát triển của lịch sử) (5). Phan Lê Hà trước đó, trong công trình *Teaching English as an International Language: Identity, Resistance and Negotiation - New Perspectives on Language and Education* (Giảng dạy tiếng Anh với tư cách là một ngôn ngữ quốc tế: Bản sắc, sự kháng cự và thương lượng - Tiếp cận mới về ngôn ngữ và giáo dục) do Multilingual Matters Ltd. ấn hành năm 2008, đã dịch các thuật ngữ *bản sắc, bản sắc văn hóa* là *identity, cultural identity*. Trong công trình của mình, Phan Lê Hà dành nhiều phần, nhiều trang để diễn giải và phân tích quan điểm của ba học giả có nhiều đóng góp về nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam là Phan Ngọc, Trần Quốc Vượng, Trần Ngọc Thêm và luôn sử dụng thuật ngữ *identity/cultural identity* để dịch thuật ngữ *bản sắc/ bản sắc văn hóa*. Từ việc chuyển ngữ sang tiếng Anh tên sách, tên bài, đến quan điểm của ba nhà nghiên cứu này về *bản sắc/bản sắc văn hóa*, Phan Lê Hà đều phiên “bản sắc” và “bản sắc văn hóa” sang “identity” và “cultural identity”. Chẳng hạn, khi dẫn quan niệm của Trần Ngọc Thêm về bản sắc dân tộc trong bài “Từ Nghị quyết Trung ương 5 nghĩ về bản sắc văn hóa dân tộc” in trong Kỷ yếu Hội thảo về văn hóa Việt Nam do Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 1999, Phan Lê Hà viết: “National identity, as Trần Ngọc

Thêm (1999: 2 - 3) observes, is distinctive values transferred and sustained in history and their sustainable best” (Bản sắc dân tộc, theo Trần Ngọc Thêm, là những giá trị đặc sắc cơ bản được lưu truyền trong lịch sử, là cái tinh hoa bền vững của nó) (6); hoặc Phan Lê Hà viết về quan niệm của Phan Ngọc về vai trò của “4F” trong việc hình thành nên bản sắc văn hóa Việt Nam: “Phan Ngọc (1998: 32 - 106) identifies four dominant elements portraying Vietnamese identity: Fatherland, Family, Fate and Face (Four Fs)” (Phan Ngọc (1998: 32 - 106) xác định có 4 thành tố chính làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam là Tổ quốc (Fatherland), Gia đình (Family), Thân phận (Fate) và Diện mạo (Face) (7).

Trong khi đó, lý luận và thực tiễn nghiên cứu văn hóa trong học thuật phương Tây cho thấy “identity” hoặc “cultural identity” được nghiên cứu, tiếp cận từ một góc độ khác. Đó là nghiên cứu “ý thức về căn tính” (awareness of identity), về “cảm thức sở thuộc” (sense of belonging) của một cá nhân hay của một cộng đồng trong quan hệ tương quan với kẻ khác, như Zdzislaw Mach xác định: “Ở cấp độ cá nhân, *identity* là câu trả lời cho câu hỏi: ‘Tôi là ai trong quan hệ với những người khác?’ Ở cấp độ xã hội, đó là câu trả lời cho câu hỏi: ‘Chúng tôi là ai trong quan hệ với những nhóm người khác?’” (8). Theo Stuart Hall, *cultural identity* là một dạng của tính đồng nhất tập thể, ở đó, các thành viên của một cộng đồng tự nhận thức về mình và sẽ chia các ký ức lịch sử và các mã văn hóa chung với tư cách là một dân tộc (9). Piorth Sztompka xác định rõ hơn, xem “collective identity” như những khối đá trầm tích được xây dựng trên những nền tảng của những truyền thống, thói quen xã hội. Theo ông, có bốn cơ sở hình thành nên *collective identity*: Trước hết, có những mối tương đồng cơ bản về lãnh thổ, phong cảnh, môi trường; thứ hai, có những sự tương đồng mang tính lịch sử

về những trải nghiệm quá khứ, truyền thống, những ký ức cộng đồng, những người anh hùng điển hình, những tổ tiên chung - dù nó có thật hay chỉ là huyền thoại; thứ ba, có những mối tương đồng mang tính văn hóa về ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, lối sống, phong cách sống và tiền tệ; thứ tư, có những mối tương đồng về ý thức hệ và ý thức chung về cộng đồng (10).

Như vậy, nếu tiếp cận *bản sắc* của học giả Việt Nam thiên về bình diện khách quan của chủ thể, gắn với cách nghiên cứu đặc trưng (characteristic), tính cách (character) văn hóa của học thuật phương Tây, thì cách tiếp cận *identity* của học giả phương Tây lại thiên về bình diện chủ quan của chủ thể văn hóa. Chính vì vậy, Jonathan D. London trong một bài viết về giáo dục Việt Nam đã mở ngoặc đơn cho cụm từ “the Vietnamese character” là “bản sắc người Việt” (11). Có thể thấy rõ hơn quan niệm và cách tiếp cận *identity* thiên về bình diện chủ quan của chủ thể văn hóa qua trường hợp Benedict Anderson. Trong công trình *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism* (Cộng đồng trong tâm tưởng: những ánh xạ của cội nguồn và sự truyền bá của chủ nghĩa dân tộc) in năm 1983, Benedict Anderson đề xuất một hướng tiếp cận quan trọng trong nghiên cứu *cultural identity* là tiếp cận “cộng đồng trong tâm tưởng” của một cá nhân, một cộng đồng, tức ý thức và cảm nhận của họ về cội nguồn, về quốc gia, về “căn tính” (identity) của mình (12).

Hai bình diện của một chủ thể: đặc trưng và ý thức về bản sắc

Qua quan niệm và cách tiếp cận của học giả phương Tây, rộng hơn, của học giả quốc tế, về *identity/cultural identity*, theo chúng tôi thuật ngữ này có thể dịch ra tiếng Việt là *ý thức về bản sắc/ý thức về bản sắc văn hóa*. Vấn đề đặt ra là liệu có thể và có nên kết hợp

cả hai cách tiếp cận này trong nghiên cứu về bản sắc của một chủ thể văn hóa hay không?

Thực tế, qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy, ít nhất là trên bình diện lý luận, đã có những quan niệm, những hướng kết hợp cả hai cách tiếp cận. Chẳng hạn, Philippe Claret trong *Cá tính tập thể của các dân tộc* có dẫn ý của Marc-Lipianski E. trong một bài viết năm 1978 cho rằng “hai con đường phân tích ấy (*cá tính dân tộc* và *căn tính dân tộc*) bổ sung cho nhau vì trong thực tế, cá tính và căn tính tập thể giao nhau: *cá tính khách quan* của nhóm, thể hiện một cách vô thức ở những ứng xử có thể quan sát được của những thành viên của nó, được mỗi người trong nhóm trải qua; ngược lại, *căn tính chủ quan* có những quy chiếu của nó trong những chuẩn mực thái độ và ứng xử của nhóm” (13). Zdzislaw Mach cũng xác định: “Nói đến con người chúng ta có thể nói đến bản sắc của cá nhân hoặc của một tập thể. Chúng ta cũng có thể phân biệt giữa sự xác định khách quan (bên ngoài) với chủ quan (bên trong), và sự đan kết của chủ quan và khách quan là trung tâm đối với quá trình cấu trúc của bản sắc” (14). Christ Baker trong công trình *Cultural Studies: Theory and Practice* (Nghiên cứu văn hóa: Lý thuyết và thực hành) cũng cho rằng “Khám phá bản sắc nghĩa là tìm hiểu: chúng ta nhìn nhận bản thân mình như thế nào và những người khác nhìn thấy chúng ta như thế nào” (15). Trong thực tiễn nghiên cứu, cũng có những trường hợp giới thuyết khái niệm “cultural identity” ở bình diện là những đặc điểm (features), đặc trưng (characteristics) nổi bật để nghiên cứu về “bản sắc văn hóa”, như trường hợp Ampai Tiranasar khi nghiên cứu về “Cultural Identity and Art Education in Thailand” (“Cultural identity” và giáo dục nghệ thuật) đã giới thuyết nghiên cứu *Thai cultural identity* từ bình diện các đặc trưng (characteristics) và cách ứng xử (behaviors) (16), nghĩa là từ các bình diện có tính khách quan, quan sát được của chủ thể văn hóa.

Văn hóa bao giờ cũng là văn hóa của một cộng đồng nhất định. Vì vậy, để nhận diện rõ hơn mối quan hệ không thể tách rời của hai bình diện “bản sắc” của một chủ thể văn hóa, có thể tiếp cận từ khái niệm “cộng đồng” / “cộng đồng văn hóa” (community / cultural community). Thực tế, từ góc nhìn nghiên cứu văn hóa, một cộng đồng đúng nghĩa bao giờ cũng là một cộng đồng văn hóa với những đặc trưng có tính khu biệt với cộng đồng khác và ý thức về sự khác biệt sẽ đem lại cho các thành viên của cộng đồng một cảm thức sở thuộc (sense of belonging) (17) - một biểu hiện đặc thù của ý thức về bản sắc. Các nhà xã hội học thường tiếp cận một cộng đồng từ hai bình diện không tách rời nhau là cộng đồng lãnh thổ (territorial community) với các đặc trưng có tính nhận diện (recognizable symbols) và cộng đồng quan hệ với sự tự ý thức về tính cộng đồng của mình (18) cũng từ đặc trưng của một cộng đồng như nêu trên.

Thay lời kết: Nghiên cứu ý thức về bản sắc - Trường hợp Việt Nam

Những điều nêu trên cho thấy nghiên cứu bản sắc văn hóa của một cộng đồng từ cả hai bình diện chủ quan và khách quan là có cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của nó, dù nghiên cứu cả hai bình diện hay từng bình diện đều là việc làm không dễ dàng. Thử vận dụng vào nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam, trường hợp ý thức về “Đạo Nhà” của người Việt, chúng tôi thấy nổi lên một số điểm sau:

- Con người luôn là con người xã hội và luôn thuộc về một cộng đồng nhất định. Nhu cầu về bản sắc (cả bình diện chủ quan lẫn khách quan), cũng là cái làm nên thân phận và diện mạo của một con người, trước hết nảy sinh từ sự gắn kết với cộng đồng của mình và ý thức về sự gắn kết đó trong quan hệ so sánh với những người thuộc cộng đồng khác. Nhu cầu bản sắc là nhu cầu có thật, là điều không thể thiếu, đúng như D. P. Schafer

đã viết: “Người ta không thể đi rất xa trên con đường nhiều về mà không gặp nhu cầu về bản sắc (identité), đó là nền tảng của toàn bộ sự tồn tại của con người. Chúng ta cũng không thể bỏ qua nó, với tư cách cá nhân hay tư cách quốc gia, vì khái niệm bản sắc cắm sâu vào cái vô thức tập thể và vào sự tưởng tượng của con người” (19).

- Con người chỉ thực sự nhận ra mình, ý thức về mình và bản sắc của mình trong quy chiếu với kẻ khác, cộng đồng khác. Nhu cầu bản sắc đòi hỏi ý thức của chúng ta ngày càng phải ý thức sâu sắc về cội nguồn, truyền thống, về các giá trị đáng tự hào của cộng đồng mình, đồng thời đó có ý thức khẳng định sự khác biệt cũng như ý thức bảo vệ và phát huy, làm giàu bản sắc của mình. Không phải ngẫu nhiên, càng đi vào các quan hệ, cụ thể như trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, nhu cầu và ý thức về bản sắc của cả cá nhân lẫn cộng đồng lại càng được chú trọng, trau dồi và việc tựa vào, tìm đến hay giáo dục những giá trị truyền thống cho thế hệ đi sau lại càng cấp thiết. Có như thế, chúng ta mới có thể vừa vững vàng là mình, vừa “có thể đi rất xa trên con đường nhiều về” của văn hóa nhân loại.

- Nghiên cứu bản sắc văn hóa của một cộng đồng, một dân tộc, do đó, cần đặc biệt chú ý đến hệ quy chiếu và ý thức về bản sắc. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, tuy chưa thật đặt ra yêu cầu như trên từ góc độ lý luận, Trần Quốc Vượng cũng đã chú ý đến hệ quy chiếu và đặc điểm của văn hóa Việt Nam nhìn từ bình diện ý thức. Theo ông, thời Hùng Vương, “buổi sơ nguyên của dân tộc, người Việt chỉ có một hệ quy chiếu: quy chiếu vào chính mình. Do đó, quốc hiệu và sự ‘xung danh’ chỉ là: nước *Việt*, là Lạc là Âu hay sau đó là Âu Lạc. Trong và sau thời Bắc thuộc, bắt đầu hình thành thế đối sánh Bắc Nam. Người Việt, đầy tự hào, không bao giờ chịu coi cái Nhà nước đã từng thống trị mình và luôn lăm le

bành trướng thôn tính mình là *Trung Quốc* (nước ở giữa) như bọn thống trị nhà nước đó tự gọi, mà chỉ gọi là *Bắc quốc, Bắc nhân, Bắc đế...*” (20). Đây chính là ý thức về bản sắc, về cội nguồn và căn tính của dân tộc trong quy chiếu với *kẻ khác*, nhất là với kẻ khác luôn muốn thôn tính, muốn hủy diệt bản sắc của dân tộc khác. Tuy nhiên, cũng cần nói thêm, ý thức về bản sắc của người Việt trong quy chiếu với Trung Hoa thời trung đại là một ý thức, tạm gọi là “không thuần nhất” mà như một kiểu ý thức “kép” vì ở một mức độ nào đó ta vừa muốn mình được như Trung Hoa, “vô tón Trung Hoa”, vừa muốn khác Trung Hoa. Chúng ta xem chữ Hán là “chữ Ta” nhưng lại có *võ Ta* và *võ Tàu, thuốc Nam* và *thuốc Bắc*; chúng ta xem nước ta là một nước văn hiến, có thi thư nhưng lại tự hào cái văn hiến, cái thi thư đó cùng một duyên nguyên “thánh hiền thư” (Phùng Khắc Khoan), nhưng mặt khác, chúng ta lại tự hào và vô cùng quyết liệt khi khẳng định “phong tục Bắc Nam cũng khác” (Nguyễn Trãi) và cấm tuyệt đối việc bắt chước ngôn ngữ của nước Ngô (Trung Quốc) và các nước khác vì bắt chước sẽ làm loạn phong tục nước nhà (21). Đáng lưu ý là tuy chịu ảnh hưởng của ý thức và cảm thức văn hóa vùng thời trung đại, ít nhiều tôn sùng nước lớn Trung Hoa, nhưng tổ tiên người Việt luôn kiên định trong ý thức phân biệt lãnh thổ quốc gia (chính trị) và ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục (văn hóa) - những thứ xác định vị thế và bản sắc của một quốc gia, một dân tộc. Điều này càng rõ nét khi từ đầu thế kỷ XIX, và nhất là từ giữa thế kỷ XIX, đất nước và văn hóa dân tộc được đặt trong quy chiếu với những *kẻ khác* hoàn toàn xa lạ với ý đồ thôn tính đất nước và hủy hoại bản sắc văn hóa. Trong hệ quy chiếu ấy, như một tất yếu, người Việt càng nhận thức sâu sắc hơn đâu hết cội nguồn bản sắc văn hóa dân tộc và một trong những cội nguồn đó là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

- Nếu như trong quy chiếu với Trung Hoa, người Việt thường ít đề cập đến thờ cúng tổ tiên như là một biểu hiện của bản sắc thì trong quy chiếu với văn hóa phương Tây đây là một nền tảng, một đối trọng thực sự mà Nguyễn Đình Chiểu đã dùng một từ mới để gọi tên một cách thiên tài, vừa như trực giác vừa như xuất phát từ thâm sâu nhận thức. Đó là “Đạo Nhà”.

Đạo Nhà, như chính Nguyễn Đình Chiểu đã giải thích một cách sâu sắc, ngắn gọn và đầy hình tượng, chính là Đạo thờ cúng ông bà, là phong tục thờ cúng tổ tiên. Mượn lời Kỳ Nhân Sư, một người “chẳng khùng sĩ Liêu” nên “xông hai con mắt bỏ liều cho đui” để giữ nhân cách của mình, trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha chẳng thờ.
Thà đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn như tanh rình.
Thà đui mà đặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đối hình tóc râu (22).*

Theo chúng tôi, chính quan hệ đối kháng và đối trọng rạch ròi giữa *ta* và *người* trên bình diện văn hóa dẫn đến nhu cầu khẳng định và bảo vệ bản sắc mạnh mẽ hơn bao giờ hết và đó là cơ sở của việc gọi tên phong tục thờ cúng tổ tiên thành Đạo Nhà của Nguyễn Đình Chiểu như nêu trên. Nguyễn Đình Chiểu gọi phong tục thờ cúng tổ tiên, đạo thờ cúng ông bà là “Đạo Nhà” không phải là cách gọi ngẫu nhiên, nhất thời. Trong thơ văn của mình, Nguyễn Đình Chiểu rất nhiều lần dùng từ “đạo” với nhiều nghĩa khác nhau, nhất là trong tác phẩm *Dương Từ Hà Mậu* với chủ đề phê phán tà đạo, tà giáo đến từ nước khác, đề khẳng định đạo lý, đạo nghĩa của Nho giáo và của truyền thống dân tộc. Và ở đây, trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, tác phẩm được hoàn

thành khi cả một miền đất rộng lớn của tổ quốc rơi vào tay giặc Pháp và phong tục truyền thống dân tộc đứng trước nhiều nguy cơ bị lấn át bởi tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục ngoại lai, đã khẳng định rõ hơn đâu hết ý thức về bản sắc qua khái niệm Đạo Nhà.

Ý thức về Đạo Nhà đánh dấu một bước nhận thức mới về nền tảng và cội nguồn bản sắc của người Việt. Một nền văn hóa có truyền thống, có bản sắc văn hóa mạnh luôn là một nền văn hóa có chiều sâu ý thức căn tính, cội nguồn và càng đặt trong các tương quan, các quy chiếu đa chiều, ý thức đó càng sâu sắc và càng có sức kiến tạo mạnh mẽ bản sắc cá nhân lẫn bản sắc cộng đồng. Không phải ngẫu nhiên, như chúng tôi đã nêu trên, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, hơn đâu hết người Việt lại càng ý thức về cội nguồn, càng coi trọng Đạo thờ cúng Ông Bà, Đạo Nhà, và cả thờ cúng Vua Tổ, như một biểu hiện đặc thù của Thờ cúng tổ tiên./.

N.V.H

1. Hoài Thanh - Hoài Chân (1968), *Thi nhân Việt Nam*, Hoa Tiên, tr. 34.
2. Lê Ngọc Trà (tập hợp và giới thiệu) (2001), *Văn hóa Việt Nam: đặc trưng và cách tiếp cận*, Nxb. Giáo dục.
3. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, tr. 41.
4. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 2.
5. Nguyen Thi Hien (2016), “Cultural Adaptation, Tradition, and Identity of Diasporic Vietnamese People: A Case Study in Silicon Valley, California, USA”, trong *Asian Ethnology* Volume 75, Number 2, p: 441-459; tr. 444.
6. Phan Lê Hà (2008), *Teaching English as an International Language: Identity, Resistance and Negotiation - New Perspectives on Language and Education*, Multilingual Matters Ltd, p. 17.

7. Phan Lê Hà (2008), sdd, tr. 59.
8. Mach, Zdzislaw (1993), *Symbols, Conflict, and Identity, Essays in Political Anthropology*, State University of New York Press, p. 4.
9. Hall, Stuart (1944), "Cultural identity and diaspora", in Williams Patrick and Laura Chrisman, *Colonial discourse and post-colonial theory: a reader*, pp. 227 - 237, Harvester Wheat Sheaf, London, p. 223.
10. Sztompka, Piorth (2004), "From East Europeans to Europeans: Shifting identities and boundaries in the new Europe". DOI: <https://doi.org/10.1017/S1062798704000420>. Published online by Cambridge University Press: 22 October 2004. <https://www.cambridge.org/core/journals/european-review/article/from-east-europeans-to-europeans-shifting-collective-identities-and-symbolic-boundaries-in-the-new-europe/351E72E115D9E5F104888181772B4161> (truy cập: 27/10/2008).
11. London, J. (2011), "Contemporary Vietnam's Education System: Historical Roots, Current Trends". In J. London (Ed.), *Education in Vietnam* (pp. 1-56). ISEAS-Yusof Ishak Institute, p.1.
12. Anderson, Benedict (1983), *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*, Verso, p. 37.
13. Claret, Philippe (2006), *Cá tính tập thể của các dân tộc* (Lê Diên dịch), Nxb. Phương Đông, tr. 40.
14. Mach, Zdzislaw (1993), sdd, tr. 5.
15. Barker, Chris (2008), *Cultural Studies: Theory and Practice* (3rd edition) SAGE Publications, p. 216.
16. Tiranasar, Ampai (2004), "Cultural Identity and Art Education in Thailand", <http://pioneer.netserv.chula.ac.th/~tampai1/hk2004.htm> (truy cập 17/12/2015)
17. Barnard, Alan - Spencer, Jonathan (Edited) (2002), *Encyclopedia of social and cultural anthropology*, Routledge, p. 173 -174.
18. Ivanovic, Milena (2008), *Cultural Tourism*, Juta & Company Ltd, p. 14.
19. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2005), *Xã hội học văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 208.
20. Trần Quốc Vượng (2003), sdd, tr. 57.
21. Nguyễn Trãi (2001), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, tr. 476.
22. Nguyễn Đình Chiểu (1982), *Toàn tập* (1 & 2), Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, tr. 248.

Nguyễn Văn Hiệu: *Identity, characteristic, cultural identity*

Identity is one of the key concepts in social sciences and humanities in Vietnam and is considered by many Vietnamese researchers to be equivalent to the international term "identity" which often results in misunderstanding in translation or in research exchange. However, from the perspectives of both theoretical and practical research, it can be seen that the two concepts are basically different and do not share many similarities. From the perspective of connection and integration and the requirement of unanimity of concepts in research, the article examines the concept of "bản sắc" in relation to the concept of "characteristic" and "identity" in the Western scientific research. The article proposes an approach suitable to this inherently complicated concept in research on Vietnamese cultural identity to meet the requirement of connection and integration.

Keywords: Identity, culture, identity, characteristic.